TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2023/DS-ST
Ngày: 22.8.2023
V/v: "Tranh chấp thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Điền
Hội thẩm nhân dân:
1. ông Nguyễn Viết Ngoan
2. ông Tăng Tài Thủ

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa***: bà Lê Thị Kim Xa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. <u>*Nguyên đơn*</u>: anh ***Lê Võ Kinh L*** sinh năm 1986
cư ngụ: khu vực A, phường B, quận C, tp Cần Thơ.
Người đại diện hợp pháp: anh Lê Ngọc T, sinh năm 1977, địa chỉ khu vực A, phường B, quận C, tp. Cần Thơ *(theo văn bản ủy quyền ngày 31.01.2023)*.

2. <u>*Bị đơn*</u>: chị ***Lê Võ Khoan N*** sinh năm 1984
cư ngụ: khu vực A, phường B, quận C, tp. Cần Thơ.

3. <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*</u>:
chị ***Lê Võ Uyên M*** sinh năm 1983
cư ngụ: khu vực A, phường B, quận C, tp. Cần Thơ.
Người đại diện hợp pháp: anh Lê Ngọc T, sinh năm 1977, địa chỉ khu vực A, phường B, quận C, tp. Cần Thơ *(theo văn bản ủy quyền ngày 03.6.2023)*.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** <u>*Tại đơn khởi kiện ngày 03.10.2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Võ Kinh L (có anh Lê Ngọc T đại diện) trình bày*</u>: Cha nguyên đơn/bị đơn là ông Lê Thanh T, sinh năm 1948 *(chết 2018)* và bà Võ Thị L, sinh năm 1951 *(chết 2012)*. Lúc sinh thời ông T/bà L có 03 người con chung gồm Lê Võ Uyên M, Lê Võ

Khoan N và Lê Võ Kinh L. Ngoài ra cha mẹ không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Quá trình chung sống, cha mẹ tạo lập (nhận chuyển nhượng) được phần đất thửa 1037 và thửa 1038, loại đất LNK tổng diện tích 7.202m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000427 do UBND huyện Thốt Nốt cấp ngày 05.10.1999 cho hộ Võ Thị L đứng tên quyền sử dụng - đất tại khu vực A, phường B, quận C, tp. Cần Thơ. Hiện di sản để lại chưa chia.

Do cha (ông T) và mẹ (bà L) chết không để lại di chúc; Di sản do anh L, chị N, chị M quản lý sử dụng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được hưởng tài sản thừa kế theo quy định pháp luật. Theo đó, anh L yêu cầu được sử dụng theo hiện trạng vị trí B, E diện tích 1.270,5m^2 + 2.399,1m^2 = 3.669,6m^2, Đồng ý thối hoàn giá trị đất cho bị đơn và người liên quan; Yêu cầu được sở hữu nhà cất trên đất, ổn định cho chị N được sử dụng vị trí A, D diện tích 685,3m^2 + 1.412,1m^2 = 2.097,4m^2, ổn định cho chị M sử dụng diện tích theo hiện trạng vị trí C, F diện tích 1.588,4m^2 theo trích đo địa chính.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 09.01.2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Võ Khoan N trình bày*: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về cha mẹ là ông Lê Thanh T và bà Võ Thị L. Cha mẹ có 03 người con là Lê Võ Uyên M, Lê Võ Khoan N và Lê Võ Kinh L. Lúc sinh thời cha mẹ tạo lập phần đất thửa 1037, 1038 diện tích 7.202m^2 theo Giấy đất số 000427 do UBND huyện C cấp ngày 05.10.1999 cho hộ Võ Thị L đứng tên quyền sử dụng tại khu vực A, phường B, quận C. Đất được các chị em quản lý, cất nhà sử dụng từ năm 2013. Nay nguyên đơn yêu cầu chia di sản thì bị đơn đồng ý nhưng có yêu cầu chia đều kích thước chiều ngang. Yêu cầu chia nhà có cấn trừ chi phí sửa chữa 50.000.000 đồng.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Võ Uyên M (có anh Lê Ngọc T đại diện) trình bày*: Thống nhất cha mẹ là ông Lê Thanh T và bà Võ Thị L. Cha mẹ có 03 người con gồm Lê Võ Uyên M, Lê Võ Khoan N và Lê Võ Kinh L. Cha mẹ tạo lập quyền sử dụng đất thửa 1037, 1038 như các bên trình bày. Cha mẹ không để lại di chúc nên yêu cầu được hưởng di sản theo hiện trạng tại vị trí C, F diện tích 1.588,4m^2, yêu cầu nguyên đơn có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất dư, ổn định giá trị nhà cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã mở các phiên hòa giải theo thủ tục tố tụng nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật.

- Bị đơn yêu cầu phản tố chia nhà theo quy định pháp luật, yêu cầu nhận thừa kế nhà đất theo kỷ phần.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đồng thừa kế) yêu cầu được hưởng kỷ phần thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật; ổn định cho anh L giá trị kỷ phần nhà được chia.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung:

./ Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, theo đó các đương sự được quyền sử dụng đất như hiện trạng, do nguyên đơn sử dụng dư nên nguyên đơn có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất dư cho đồng thừa kế; Đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu chia thừa kế nhà, theo đó ổn định cho anh Luân được quyền sở hữu nhà, anh L có nghĩa vụ thối hoàn giá trị cho bị đơn.

./ Về án phí và chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí Trích đo địa chính: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn cho rằng: Lúc sinh thời, cha mẹ là ông Lê Thanh T *(chết 2018)* và bà Võ Thị L *(chết 2012)* không để lại di chúc, di sản thừa kế ông bà để lại chưa chia nên nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế tài sản theo pháp luật. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp thừa kế tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 1 điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn*:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: nguyên đơn anh Lê Võ Kinh L và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Võ Uyên M yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật như hiện trạng sử dụng theo trích đo; Bị đơn yêu cầu chia đều diện tích sử dụng. Với yêu cầu/ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết toàn diện trong vụ án như sau:

- Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định: Người để lại tài sản gồm ông Lê Thanh T *(chết 2018)* và bà Võ Thị L *(chết 2012)*. Sinh thời ông T/bà L có 03 người con là Lê Võ Uyên M, Lê Võ Khoan N và Lê Võ Kinh L, ông bà không có con nuôi hay con riêng nào khác. Điều này phù hợp với Giấy chứng tử của ông T/bà L, phù hợp với Tờ khai hộ tịch *(bút lục: 27)* nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hàng thừa kế thứ

nhất đối với kỷ phần thừa kế của ông bà để lại gồm: chị Lê Võ Uyên M, chị Lê Võ Khoan N, anh Lê Võ Kinh L.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ông Lê Thanh T *(chết 2018)* và bà Võ Thị L *(chết 2012)*. Đến ngày 03.10.2022 nguyên đơn có đơn khởi kiện và nộp tạm ứng án phí. Đối chiếu thời điểm mở thừa kế di sản của ông T, bà L để lại, vào thời điểm khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện đối với kỷ phần thừa kế của ông bà vẫn còn thời hiệu khởi kiện (điều 623 Bộ luật dân sự 2015), nên phần di sản của ông bà để lại có diện tích thực tế 7.355,4m^2 được chia theo quy định pháp luật về thừa kế.

- Về công sức chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản cũng như chi phí trang trải tài sản thừa kế: Các đương sự thừa nhận khi còn sống ông T, bà L sống với anh L, các con đều có công chăm sóc nuôi dưỡng ông bà. Các bên không yêu cầu hưởng tài sản thừa kế nhiều hơn kỷ phần được chia nên Hội đồng xét xử không xem xét công sức chăm sóc, nuôi dưỡng của đương sự đối với người để lại di sản.

- Xác định di sản thừa kế: Di sản được phân chia cho các đồng thừa kế là quyền sử dụng đất thửa 1037, 1038. Theo Trích đo địa chính số 466/TTKTTNMT ngày 18.5.2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tp. Cần Thơ thì diện tích thực tế và diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chênh lệch: Diện tích theo Giấy đất cấp cho hộ bà Võ Thị L là 7.202m^2, đo đạc thực tế là 7.355,4m^2 (chênh lệch dư 153,4m^2).

Tại Công văn phúc đáp số 1998/UBND-NC ngày 01.8.2023 của UBND quận C xác định: việc UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000427 ngày 05.10.1999 tại thửa 1037, 1038 cho hộ Nguyễn Thị L là đúng trình tự, thủ tục quy định. Ngoài ra, theo biên bản xác minh tại UBND phường B thì nguyên nhân có sự chênh lệch giữa diện tích thực tế và diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do quá trình đo đạc trước đây cán bộ đo đạc xác định ranh chưa chính xác, kỹ thuật đo đạc và việc tính diện tích còn thực hiện bằng thủ công so với hiện nay việc đo đạc bằng máy toàn đạc và tính diện tích bằng phần mềm máy vi tính nên có sự chênh lệch về diện tích thực tế và diện tích trên Giấy đất; Diện tích thực tế tăng tại thửa thửa 1037, 1038 thuộc mốc giới, chỉ giới giao đất. Đây là cơ sở xác định chia di sản theo diện tích thực tế.

Theo đó, tổng diện tích 7.355,4m^2 thửa 1037, 1038 Trích đo số 466 được chia đều cho các đương sự chị M, chị N và anh L. Tức mỗi người được phân chia tương ứng là 7.355,4m^2 : 3 = 2.451,8m^2.

Tại phiên tòa: anh L yêu cầu được phân chia diện tích 3.669,6m^2 vị trí B, E như thực tế sử dụng; ổn định cho chị N sử dụng 2.097,4m^2 vị trí A, D; ổn định cho chị M sử dụng 1.588,4m^2 vị trí C, F; anh L đồng ý thối hoàn giá trị đất dư. Thực tế các đương sự sử dụng đất để cất nhà ở cố định nên xét yêu cầu của nguyên đơn về hiện trạng sử dụng là hoàn toàn phù hợp vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về giá trị quyền sử dụng đất: Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản thì: đất tranh chấp có giá trị 1.000.000 đồng/m^2 loại đất LNK *(bút lục: 44)*. Trên cơ sở biên bản thẩm định và xác định mức giá thị trường, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất biên bản, thống nhất mức giá. Xét việc định đoạt của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không khiếu nại về giá nên căn cứ mức giá này để buộc anh L thối hoàn giá trị đất cho các đồng thừa kế.

Như viện dẫn thì mỗi người được hưởng thừa kế theo pháp luật là 2.451,8m^2, do chị N sử dụng 2.097,4m^2 trong khối di sản thừa kế nên chị N sử dụng thiếu 354,4m^2; chị M sử dụng 1.588,4m^2 trong khối di sản thừa kế nên chị M sử dụng thiếu 863,4m^2. Do đó anh L có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất cho chị N giá trị tương ứng là: 1.000.000 đồng/m^2 x 354,4m^2 = 354.400.000 đồng; thối hoàn cho chị M giá trị tương ứng là: 1.000.000 đồng/m^2 x 863,4m^2 = 863.400.000 đồng.

[2.2] Về di sản là nhà/công trình trên đất tranh chấp: hiện anh L quản lý sử dụng nhà do cha mẹ để lại. Các bên thừa nhận đây là di sản thừa kế chưa chia nên được Hội đồng xét xử phân chia theo pháp luật.

+ Chi phí sửa chữa nhà: Quá trình sử dụng anh L có sửa chữa nhà với chi phí 63.000.000 đồng, chị N thì cho rằng chi phí sửa chữa là 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy anh L là bên trực tiếp sử dụng nhà, sửa chữa, thuê nhân công, mua vật tư.. còn bị đơn cho rằng chỉ nghe nói chi phí xây dựng là 50.000.000 đồng là chưa có cơ sở chấp nhận. Nên có căn cứ tin để chấp nhận chi phí như nguyên đơn trình bày là đúng thực tế sửa chữa.

+ Giá trị chia theo kỷ phần: Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản thì: Nhà chính có giá 161.980.000 đồng, Nhà phụ có giá 154.629.000 đồng, Mái che giá 27.700.000 đồng, tổng cộng 344.309.000. Trừ chi phí sữa chữa 63.000.000 đồng nên giá trị còn lại được chia theo kỷ phần là 281.309.000 đồng, mỗi người được chia 93.769.666 đồng (281.309.000 đồng : 3). Do anh Luân sử dụng nhà nên anh L có nghĩa vụ thối hoàn giá trị cho chị Nhân, còn chị M ổn định giá trị cho anh L sở hữu được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về cây trồng trên đất tranh chấp: Các đương sự thống thất trên đất tranh chấp không có cây trồng của cha mẹ để lại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về cây trồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn theo quy định tại điều 649 Bộ luật Dân sự cũng như quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát.

[3] *Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí trích đo địa chính*: Anh L đã nộp tạm ứng 8.000.000 đồng. Do việc thẩm định, định giá tài sản có ý nghĩa xác định tài sản thừa kế để phân chia nên mỗi đương sự có nghĩa vụ chịu 1/3 chi phí này là 2.666.000 đồng và có nghĩa vụ thối hoàn cho anh L.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng đối với diện tích đất được phân chia (giá trị tài sản yêu cầu được xác định theo Biên bản định giá ngày 01.02.2023 *(bút lục: 43)*, lần lượt như sau:

- Nguyên đơn anh Lê Võ Kinh L phải nộp: 72.000.000 đồng + [2% x {{(2.451,8m^2 x 1.000.000 đồng/m^2) + (93.769.666 đồng x 2)} – 2.000.000.000 đồng}] = 84.786.786,64 đồng *(làm tròn 84.787.000 đồng)*.

- Bị đơn chị Lê Võ Khoan N phải nộp: 72.000.000 đồng + 2% x [{(2.451,8m^2 x 1.000.000 đồng/m^2) + 93.769.666 đồng} – 2.000.000.000 đồng] = 82.911.393,32 đồng *(làm tròn 82.911.000 đồng)*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Võ Uyên M phải nộp: 72.000.000 đồng + [2% x {(2.451,8m^2 x 1.000.000 đồng/m^2) – 2.000.000.000 đồng}] = 81.036.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 92, điều 147, điều 165, điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 612, điều 614, điều 623, điều 649, điều 650 và điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Võ Kinh L (có anh Lê Ngọc T đại diện) về việc yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất đối với bị đơn chị Lê Võ Khoan N - đất tại khu vực A, phường B, quận C, tp. Cần Thơ.

Xác định:

- Người để lại di sản là: ông Lê Thanh T *(chết 2018)* và bà Võ Thị L *(chết 2012)*, không để lại di chúc.

- Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa 1037 và thửa 1038 (diện tích thực tế là 7.355,4m^2), loại đất LNK, tờ bản đồ số 09 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000427 ngày 05.10.1999 do hộ Võ Thị L đứng tên quyền sử dụng - đất tại khu vực A, phường B, quận C, tp. Cần Thơ.

- Hàng thừa kế thứ nhất (thừa kế theo pháp luật) gồm: chị Lê Võ Uyên M, chị Lê Võ Khoan N và anh Lê Võ Kinh L.

- Di sản được phân chia như sau:

+ anh Lê Võ Kinh L toàn quyền sử dụng phần đất 3.669,6m^2 (mục đích sử dụng LNK) tại vị trí (B, E) theo Trích đo địa chính.

+ chị Lê Võ Khoan N toàn quyền sử dụng phần đất 2.097,4m^2 (mục đích sử dụng LNK) tại vị trí (A, D) theo Trích đo địa chính.

+ chị Lê Võ Uyên M toàn quyền sử dụng phần đất 1.588,4m^2 (mục đích sử dụng LNK) tại vị trí (C, F) theo Trích đo địa chính.

+ anh Lê Võ Kinh L có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất cho chị Lê Võ Khoan N số tiền: 354.400.000 đồng.

+ anh Lê Võ Kinh L có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất cho chị Lê Võ Uyên M số tiền: 863.400.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn chị Lê Võ Khoan N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế nhà đối với nguyên đơn anh Lê Võ Kinh L - nhà tọa lạc tại khu vực A, phường B, quận C, tp. Cần Thơ.

+ anh Lê Võ Kinh L toàn quyền sở hữu: Nhà chính khung cột bê tông cốt thép, mái tol, trần nhựa, vách tường, tường gạch xây, nền gạch men; Nhà phụ khung cột bê tông cốt thép, mái tol, vách tường gạch xây, nền gạch men; Mái che khung cột bê tông cốt thép, mái tol, không vách, nền xi măng.

+ anh Lê Võ Kinh L có nghĩa vụ thối hoàn giá trị nhà cho chị Lê Võ Khoan N số tiền 93.769.666 đồng.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, xác lập quyền sử dụng đất theo diện tích được sử dụng.

Trường hợp anh L không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(thửa 1037, 1038)* để cấp mới giấy đất cho các đương sự như trên thì cơ quan cấp giấy đất có quyền thu hồi Giấy đất để cấp mới cho các đương sự theo quy định pháp luật.

(Gửi kèm Trích đo địa chính số: 466/TTKTTNMT ngày 18.5.2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tp. Cần Thơ và Biên bản thẩm định).

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- anh Lê Võ Kinh L phải nộp 84.787.000 đồng, khấu trừ 12.345.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004847 ngày 26.12.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt nên anh Luân phải nộp thêm số tiền 72.442.000 đồng.

- chị Lê Võ Khoan N phải nộp 82.911.000 đồng.

- chị Lê Võ Uyên M phải nộp 81.036.000 đồng.

4. *Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí Trích đo địa chính*:

- anh Lê Võ Kinh L phải chịu 2.668.000 đồng, đã thực hiện xong.

- chị Lê Võ Khoan N và chị Lê Võ Uyên M, mỗi người phải chịu 2.666.000 đồng và có trách nhiệm thối hoàn cho anh L số tiền trên.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tp. Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND quận Thốt Nốt.
- THA quận Thốt Nốt.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền